TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HS - ST
Ngày: 24- 12- 2019

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thưởng
Ông Đỗ Khắc Kiếm
***- Th□ ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Linh - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.
- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Lê Văn Bắc - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 409/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST - HS ngày 09/12/2019 đối với các bị cáo:

Nguyễn Duy T - sinh năm 1977 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy N (đã mất) và bà Ngô Thị L. Tiền án: ngày 28/4/2004 TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 24/6/2015 TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (giá trị tài sản chiếm đoạt 1.000.000đ, bị cáo chưa chấp hành án phí của bản án năm 2004); ngày 23/12/2016 TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (giá trị tài sản chiếm đoạt 1.100.000đ); Tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 09/10/2019 "có mặt".

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hoành H - SN 1980 "vắng mặt'
Trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Văn S - SN 1980 "vắng mặt'
Trú tại: N, phường Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Ngô Văn Q - SN 1987 "vắng mặt'

Trú tại: L, phường Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 Nguyễn Duy T đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01h30 ngày 23/6/2019 Nguyễn Duy T một mình đi xe đạp đến công trình xây dựng khu đô thị B, phường Đ, thành phố T phát hiện thấy không có ai trông coi nên đã lẻn vào trộm cắp 01 chiếc quạt công nghiệp màu đen để trên giàn giáo tầng 2 và 01 máy bơn màu xanh để ở chân cầu thang tầng 1 của anh Nguyễn Hoành H. Sau đó T mang tài sản vừa trộm cắp được đến khu vực chợ phường Đ, thành phố T bán cho hai người đàn ông không quen biết lấy 800.000đ (tám trăm nghìn). Số tiền trên T sử dụng cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Ngày 16/7/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc quạt công nghiệp trị giá 750.000đ; máy bơm nước trị giá 650.000đ. Tổng giá trị trộm cắp 1.400.000đ.

Vụ thứ 2: Khoảng 01h ngày 25/9/2019 T một mình đi xe đạp đến công khu đô thị Đ, phường A, thành phố T xem có ai sơ hở để trộm cắp. Tại đây, T phát hiện thấy công trình xây dựng lô 43 LK 23 không có ai trông coi nên đã lẻn vào trộm cắp 04 cuộn dây điện (mỗi cuộn dài 60m) và 01 máy hàn nhiệt của anh Nguyễn Văn S; trộm 01 nồi cơm điện, 01 máy đục bê tông, 01 máy bơm nước đi kèm với 01 đoạn dây điện dài 20m của anh Ngô Văn Q. Sau đó, T đạp xe chở số tài sản vừa trộm được tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện, bắt giữ.

Ngày 26/9/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã trị giá: máy bơm nước là 900.000đ, nồi cơm điện 535.000đ, máy đục bê tông là 3.900.000đ, máy hàn nhiệt là 1.240.000đ, dây điện Trần Phú loại (1 x 1,5) cm là 347.820đ, dây điện Trần Phú loại (1 x 4) cm là 859.980đ. Tổng giá trị các tài sản là 7.782.800đ.

Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh S và anh Q. Đối với tài sản của anh H chưa thu giữ được. Anh H, anh Q và anh S không có yêu cầu, đề nghị gì về phần dân sự.

Đối với 02 chiếc xe đạp T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra thu giữ để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 374/CT-VKS ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Nguyễn Duy T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: vào ngày 23/6/2019 và ngày 25/9/2019 Nguyễn Duy T đã thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản tại khu đô thị B, phường Đ của anh Nguyễn Hoành H 01 chiếc quạt công nghiệp và 01 máy bơm trị giá 1.400.000đ và tại khu đô thị Đ, phường A của anh Nguyễn Văn S và anh Ngô Văn Q 04 cuộn dây điện, 01 máy hàn nhiệt, 01 nồi cơm điện, 01 máy đục bê tông, 01 máy bơm nước trị giá 7.782.000đ. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt 02 vụ là 9.182.800đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Duy T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội " Trộm cắp tài sản". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[4] Vai trò, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu đã bị các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không chịu cải sửa mà còn tiếp tục phạm tội. Do bị cáo thực hiện

02 hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Do bị cáo chưa chấp hành phần án phí của bản án 2004. Mặc dù năm 2015, 2016 bị cáo đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng khi phạm tội ở các lần này tài sản chiếm đoạt đều dưới 2.000.000đ nên không coi đó là tiền án. Do đó, hành vi phạm tội lần này bị cáo chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với nhân thân của bị cáo và tính chất vụ án thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn S, anh Ngô Văn Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm. Anh Nguyễn Hoành H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo và anh S, anh Q, anh H đã được giải quyết xong.

[6] *Về vật chứng*: Đối với 02 chiếc xe đạp mà T sử dụng để trộm cắp tài sản. Qua điều tra thì 02 chiếc xe trên là của bị cáo nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Xử phạt: Nguyễn Duy T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và anh Nguyễn Hoành H, anh Nguyễn Văn S, anh Ngô Văn Q đã được giải quyết xong.

Về tang vật: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe đạp mini cũ màu trắng hồng, xe bị mất bàn đạp bên chân phải, không có giỏ đựng phía trước và 01 xe đạp mini cũ màu xanh lá.

Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 42/THA ngày 21/11/2019).

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia TT khác
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.